

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG: 12 - THPT Tân Phước Khánh

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
1	010707	Vũ Trần Thiên	An	Nữ	04/07/2010	Phú Yên	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN		12	03			8,25	6,80	9,50	24,55
2	120002	Đoàn Hạnh	An	Nữ	25/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,75	8,00	8,00	23,75
3	120003	Lâm Ngọc Thái	An	Nữ	26/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13		1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	5,10	7,75	21,85
4	120004	Lê Hoàng	An	Nữ	02/09/2010	Bình Dương	Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Thành phố Thủ Dầu Một	2025			12	14			8,00	3,00	8,50	19,50
5	120005	Lê Quỳnh	An	Nữ	11/06/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,90	9,75	23,15
6	120007	Nguyễn Hoài	An	Nam	19/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,00	4,90	10,00	20,90
7	120013	Sú Kiến	An	Nam	08/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08		1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,00	4,90	7,25	20,15
8	120044	Dương Thiên	Ấn	Nữ	18/03/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,75	7,50	7,25	22,50
9	010724	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	Nữ	15/10/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		12	30			8,00	8,00	7,50	23,50
10	120018	Hoàng Nhật	Anh	Nam	04/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,25	5,60	8,25	20,10
11	120020	Lê Hoàng	Anh	Nam	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,00	5,50	7,50	19,00
12	120021	Lê Minh	Anh	Nữ	11/09/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS-THPT Marie Curie	Thành phố Thủ Dầu Một	2025			12	03			5,50	6,70	6,50	18,70
13	120023	Nguyễn Bá	Anh	Nam	11/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	7,20	7,50	21,95
14	120024	Nguyễn Diễm Phương	Anh	Nữ	06/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	7,50	9,00	24,00
15	120027	Nguyễn Kim Đức	Anh	Nam	27/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	6,90	8,75	22,90
16	120028	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	29/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,50	4,00	7,25	18,75
17	120029	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	01/04/2010	Bến Tre	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	4,60	7,00	19,10
18	120031	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	Nữ	28/07/2010	An Giang	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,25	5,80	7,75	20,80
19	120032	Nguyễn Trần Kim	Anh	Nữ	21/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,00	4,40	6,50	18,90
20	120033	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	10/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,00	5,20	7,75	20,95
21	120034	Phạm Hồ Phương	Anh	Nữ	25/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	4,90	8,00	19,90
22	120035	Phạm Lê Hoàng	Anh	Nữ	24/08/2010	Bình Định	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	2,20	7,75	18,20
23	120036	Phan Nguyễn Văn	Anh	Nữ	13/05/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	4,90	7,75	21,15
24	120039	Trịnh Thị Mai	Anh	Nữ	04/09/2010	TP. Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	4,40	7,50	19,15
25	120040	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	Nữ	23/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,50	3,60	8,25	18,35
26	120041	Võ Dương Tuấn	Anh	Nam	25/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	4,50	8,50	20,25
27	120059	Lư Tuệ	Bằng	Nữ	20/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	5,00	6,50	19,75
28	120060	Nguyễn Ngọc Khánh	Bằng	Nữ	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	7,30	10,00	25,30
29	120045	Bùi Nguyễn Gia	Bảo	Nam	18/06/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025			12	05			6,50	5,00	7,00	18,50
30	120046	Đào Nguyên Gia	Bảo	Nam	03/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,75	6,80	7,75	22,30
31	120048	Đình Quốc	Bảo	Nam	10/03/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	0			12	14			8,00	6,30	8,25	22,55
32	120049	Huỳnh Lê	Bảo	Nam	20/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	6,70	7,25	21,70
33	120051	Lê Gia	Bảo	Nam	10/01/2010	Bình Thuận	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	6,60	7,75	21,60
34	120052	Lê Gia	Bảo	Nam	17/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14		1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	4,80	8,00	21,55
35	120054	Nguyễn Phan Chi	Bảo	Nam	01/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình An	Thành phố Dĩ An	2025			12	14			8,25	4,00	8,50	20,75
36	120055	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	10/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	5,20	7,25	20,20

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
37	120056	Phạm Gia	Bảo	Nam	02/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,75	4,40	7,25	19,40
38	120057	Trà Phước	Bảo	Nam	15/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,75	7,80	10,00	26,55
39	120062	Huỳnh Ngọc	Bích	Nữ	24/12/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thái Hòa	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,75	4,00	6,75	19,50
40	120063	Võ Giáp	Biên	Nam	12/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	8,60	7,75	24,60
41	060068	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	13/04/2010	Hải Dương	Trường THCS Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025			06	12			7,25	7,00	7,50	21,75
42	120064	Nguyễn Đức Thanh	Bình	Nam	20/11/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,50	8,10	8,75	25,35
43	120065	Nguyễn Thái	Bình	Nam	30/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	04			6,75	4,80	10,00	21,55
44	120066	Phạm Đức	Bình	Nam	16/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,00	5,30	8,50	20,80
45	120068	Bùi Thị Bảo	Châu	Nữ	12/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	3,80	7,50	18,30
46	120069	Mai Bảo	Châu	Nam	30/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,25	5,80	9,75	22,80
47	120071	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Châu	Nữ	25/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,50	4,00	6,00	18,50
48	120073	Phan Văn	Châu	Nam	03/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,25	3,40	7,50	18,15
49	120074	Lê Hoàng Ánh	Chi	Nữ	21/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	7,30	7,25	22,30
50	120075	Nguyễn Ngọc Đan	Chi	Nữ	06/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	7,60	9,00	24,85
51	120077	Trần Minh	Cường	Nam	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	7,10	8,00	22,60
52	120100	Trần Thanh	Đại	Nam	10/05/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,50	7,00	9,25	23,75
53	120101	Phạm Tâm	Đan	Nữ	26/11/2010	Gia Lai	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,00	5,80	10,00	21,80
54	060118	Trần Hải	Đặng	Nam	15/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			06	12			8,25	6,70	7,00	21,95
55	120078	Nguyễn Thế	Danh	Nam	07/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	6,00	7,50	21,00
56	010775	Nguyễn Thị Đông	Đào	Nữ	15/11/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN		12	14			7,00	7,30	8,75	23,05
57	120102	Hoàng Đặng Tiến	Đạt	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,25	5,20	9,00	22,45
58	120103	Huỳnh Nguyễn Trường	Đạt	Nam	06/09/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1,5	- Giải Nhất cấp tỉnh	6,00	4,70	6,75	18,95
59	120104	Lê Hồng	Đạt	Nam	03/07/2010	An Giang	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	6,40	7,25	21,90
60	120107	Nguyễn Phú	Đạt	Nam	04/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	5,20	8,00	19,95
61	120108	Trần Lê Thành	Đạt	Nam	09/04/2010	Ninh Bình	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,75	5,90	9,00	22,65
62	120109	Trần Quốc	Đạt	Nam	07/07/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	5,20	7,50	19,45
63	120110	Trương Công	Đạt	Nam	07/11/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	4,80	8,00	19,55
64	120080	Bùi Thị Ngọc	Diễm	Nữ	17/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,25	2,40	7,75	18,40
65	120082	Phạm Thị Ngọc	Diệp	Nữ	22/09/2010	Nam Định	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	4,20	7,75	19,45
66	120112	Lê Huỳnh	Đồng	Nam	22/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	4,80	8,00	20,30
67	120116	Lê Anh	Đức	Nam	27/12/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	03			6,75	5,40	7,50	19,65
68	120119	Vũ Minh	Đức	Nam	27/10/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,75	6,70	8,25	22,70
69	010101	Phạm Thị Hoàng	Dung	Nữ	12/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		12	14			7,25	7,70	5,50	20,45
70	120083	Lam Phan Ngọc	Dung	Nữ	29/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	4,00	7,00	19,75
71	120084	Lê Trần Tấn	Dũng	Nam	03/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,50	6,80	9,25	23,55
72	120085	Nguyễn Minh	Dũng	Nam	17/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	6,90	8,50	23,15
73	120086	Nguyễn Thanh	Dũng	Nam	11/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,00	5,80	7,50	21,30
74	120087	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	10/10/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,50	7,10	8,75	23,35
75	120096	Hà Thị Thùy	Dương	Nữ	20/02/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	4,80	7,50	20,55
76	120098	Lê Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	03/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	04			6,75	6,10	7,50	20,35

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
77	120099	Nguyễn Thái	Dương	Nam	22/01/2010	Hải Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,25	7,90	8,50	24,65
78	120120	Trương Đình	Đường	Nam	01/09/2010	Thái Nguyên	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	7,20	6,75	22,20
79	120089	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	23/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	5,30	8,50	21,30
80	120094	Đinh Thị Thanh	Duyên	Nữ	25/12/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	30			6,75	5,90	10,00	22,65
81	120121	Lê Nguyễn Trường	Giang	Nam	29/05/2010	Long An	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	5,20	5,00	18,20
82	120122	Nguyễn Ngô Hương	Giang	Nữ	13/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	4,80	7,75	20,80
83	120123	Nguyễn Quỳnh	Giang	Nữ	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	6,90	8,75	23,90
84	120124	Đoàn Ngân	Hà	Nữ	27/11/2010	Hải Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,00	5,60	7,75	21,35
85	120125	Đoàn Ngọc Thái	Hà	Nữ	22/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,50	6,70	7,50	22,70
86	120126	Lê Thị Thanh	Hà	Nữ	04/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,50	5,00	7,00	20,50
87	120127	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	17/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	6,50	9,00	23,50
88	120130	Lương Đại	Hải	Nam	09/04/2010	Bắc Giang	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	7,60	7,25	22,10
89	120131	Nguyễn Minh	Hải	Nam	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,25	4,70	7,50	18,45
90	120132	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	18/12/2010	Đồng Nai	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	3,40	7,75	19,15
91	010799	Bùi Thị Ngọc	Hân	Nữ	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN		12	14			7,75	5,30	7,25	20,30
92	120143	Cao Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	07/12/2010	Bình Định	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	4,20	7,00	18,70
93	120144	Đặng Ngọc	Hân	Nữ	03/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	7,60	7,75	24,35
94	120145	Huỳnh Gia	Hân	Nam	16/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,00	7,20	5,30	18,50
95	120148	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	08/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	5,50	7,25	19,75
96	120149	Trần Gia	Hân	Nữ	22/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	4,00	8,00	20,00
97	120151	Trịnh Ngọc	Hân	Nữ	23/06/2010	Ninh Bình	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	4,00	8,00	20,00
98	120139	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	01/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	5,90	8,25	21,90
99	120140	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	18/07/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,25	7,10	9,25	24,60
100	120141	Nguyễn Trần Tuyết	Hằng	Nữ	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	6,50	6,40	19,90
101	120142	Tô Thúy	Hằng	Nữ	13/07/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,00	7,80	7,25	23,05
102	120153	Nguyễn Ngọc Diệu	Hiền	Nữ	03/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	5,00	9,00	22,50
103	120154	Ngô Lê	Hiệp	Nam	16/03/2010	Đồng Nai	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	3,40	8,25	19,15
104	120155	Bùi Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	17/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,50	4,40	6,75	18,65
105	120156	Cao Trung	Hiếu	Nam	04/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	3,60	7,25	18,60
106	120157	Đặng Trung	Hiếu	Nam	10/09/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,25	4,80	7,75	18,80
107	120158	Nguyễn Kiều Quang	Hiếu	Nam	25/06/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	6,40	9,25	23,40
108	120159	Phan Văn	Hiếu	Nam	08/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	6,00	9,50	22,75
109	120161	Nguyễn Thọ	Hóa	Nam	09/09/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	5,90	6,05	20,45
110	120163	Đào Việt	Hoàng	Nam	28/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	3,80	8,75	20,05
111	120164	Ngô Sỹ	Hoàng	Nam	21/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	4,60	8,50	20,85
112	120165	Trần Nguyễn Gia	Hoàng	Nam	25/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	4,80	7,25	20,05
113	120166	Trần Phi	Hoàng	Nam	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,25	5,80	8,50	21,55
114	120167	Lê Thị	Hồng	Nữ	11/03/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,25	3,40	8,00	18,65
115	120168	Phan Thị Ánh	Hồng	Nữ	07/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	04	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	6,50	8,00	22,75
116	120169	Lê Mạnh	Hùng	Nam	30/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,50	5,00	7,00	18,50

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
117	120170	Nguyễn Tuấn	Hùng	Nam	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	4,40	8,50	20,40
118	120172	Vũ Phạm Mạnh	Hùng	Nam	26/03/2010	Thái Bình	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,50	7,30	8,50	24,30
119	120200	Đỗ Sông	Hương	Nữ	26/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,25	6,10	7,50	20,85
120	120201	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	11/12/2010	Nam Định	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	3,70	7,50	18,95
121	120202	Trương Thị Mai	Hương	Nữ	09/02/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	5,50	7,50	20,25
122	120174	Bùi Gia	Huy	Nam	20/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	5,20	8,50	22,70
123	120175	Lê Gia	Huy	Nam	14/07/2010	Cà Mau	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	4,80	8,00	20,30
124	120176	Lê Minh	Huy	Nam	09/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	3,80	8,00	19,05
125	120177	Lê Quốc	Huy	Nam	16/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,25	6,90	8,00	23,15
126	120180	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	Nam	25/08/2010	Bình Định	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	4,90	6,50	18,65
127	120182	Nguyễn Tuấn	Huy	Nam	25/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,50	4,60	7,50	19,60
128	120183	Nguyễn Văn Gia	Huy	Nam	31/10/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,50	7,50	9,50	24,50
129	120184	Phùng Gia	Huy	Nam	13/10/2010	Tây Ninh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	6,60	8,00	22,60
130	120186	Trần Kim	Huy	Nam	04/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	6,60	6,00	19,35
131	120187	Trần Nhật	Huy	Nam	28/07/2010	Cà Mau	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	6,10	8,75	22,35
132	120188	Trần Quang	Huy	Nam	13/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	6,20	8,25	22,45
133	120189	Trương Quốc	Huy	Nam	24/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	5,00	7,50	19,50
134	120190	Vũ Văn Quốc	Huy	Nam	01/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	5,00	8,50	21,00
135	120191	Đỗ Thị Khánh	Huyền	Nữ	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,00	5,30	8,00	21,30
136	120192	Nguyễn Thanh Thanh	Huyền	Nữ	30/03/2010	Quảng Trị	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	6,50	7,50	22,00
137	120193	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	15/09/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	6,70	9,50	24,20
138	120194	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	25/03/2010	Hà Nam	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	5,40	7,00	19,65
139	120195	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	14/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,75	4,70	7,75	21,20
140	120197	Vũ Thị Khánh	Huyền	Nữ	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	3,60	7,00	18,10
141	120198	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	03/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	2,90	8,00	18,40
142	120199	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	09/02/2010	Kiên Giang	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	4,40	7,00	18,65
143	120203	Lê Văn	Kha	Nam	25/04/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	3,80	8,80	20,10
144	010831	Huỳnh Vĩnh	Khang	Nam	22/02/2010	Hậu Giang	Trường THCS Thái Hòa	Thành phố Tân Uyên	2025	VĂN		12	13			7,50	7,90	9,75	25,15
145	120204	Huỳnh Gia	Khang	Nam	28/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	4,60	7,25	20,10
146	120206	Nguyễn Bảo	Khang	Nam	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,50	5,90	8,50	21,90
147	120209	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	09/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	6,80	8,75	22,80
148	120210	Phạm Minh	Khang	Nam	31/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,75	5,60	7,50	20,85
149	120211	Tổng Toàn	Khang	Nam	28/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	8,40	7,25	22,65
150	120212	Võ Nguyễn An	Khang	Nam	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	8,80	8,00	24,55
151	120214	Hoàng Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	4,00	8,00	19,00
152	120215	Lâm Duy	Khánh	Nam	09/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	3,60	7,60	18,45
153	120217	Nguyễn Minh	Khánh	Nam	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	9,40	10,00	26,65
154	120218	Phạm Đình Quốc	Khánh	Nam	23/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,00	6,90	8,25	23,15
155	120220	Hồ Ngọc	Khiết	Nữ	04/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	3,20	7,50	18,20
156	120224	Nguyễn Đăng	Khôi	Nam	04/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	8,20	6,25	21,70

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
157	120225	Nguyễn Võ Đăng	Khôi	Nam	30/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	8,40	9,50	25,90
158	120226	Phạm Anh	Khôi	Nam	02/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,25	6,80	7,75	20,80
159	120228	Trần Nguyễn Mai	Khôi	Nữ	21/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,70	9,00	22,20
160	120229	Trương Huỳnh Anh	Khôi	Nam	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	5,50	7,00	19,25
161	120231	Doãn Bá Hữu	Kiệt	Nam	28/07/2010	Tây Ninh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,25	7,80	10,00	25,05
162	120233	Trần Quốc	Kiệt	Nam	22/11/2010	Bình Định	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,25	7,70	8,50	24,45
163	120234	Võ Tuấn	Kiệt	Nam	28/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	8,70	9,25	25,20
164	120235	Hà Thị Thúy	Kiều	Nữ	04/12/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,00	7,80	8,25	24,05
165	120237	Nguyễn Thu	Kiều	Nữ	16/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	6,90	7,75	22,15
166	120239	Nguyễn Đoàn Hoàng Kim	Nữ	08/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13				7,50	6,00	10,00	23,50
167	120242	Nguyễn Thư	Kỳ	Nữ	07/02/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,00	4,60	7,30	18,90
168	120243	Nguyễn Đình	Kỳ	Nam	11/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	08			7,00	5,40	8,25	20,65
169	120244	Thái Huỳnh Ngọc	Lam	Nữ	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	4,40	7,25	18,90
170	120245	Trương Thị Châu	Lam	Nữ	01/03/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	4,40	9,50	21,90
171	010863	Huỳnh Nguyễn Tùng Lâm	Nam	04/01/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN			12	14			6,25	5,40	8,00	19,65
172	120249	Đinh Nguyễn Hoàng Lâm	Nam	23/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025				12	14			8,00	8,20	10,00	26,20
173	120250	Hồ Đại	Lâm	Nam	16/08/2010	Ninh Bình	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	6,90	8,00	22,15
174	120247	Lưu Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	06/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025				12	13			8,00	7,90	7,00	22,90
175	120248	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	20/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	7,10	6,80	21,90
176	120251	Võ Vũ Duy	Lân	Nam	03/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Thành phố Thủ Dầu Một	2025			12	03			4,75	6,70	9,50	20,95
177	010304	Dương Trần Thúy Hiền	Lành	Nữ	01/04/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	HÓA		12	13			6,75	7,10	9,50	23,35
178	120254	Trần Ái	Liên	Nữ	18/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,75	6,50	7,75	22,00
179	010325	Nguyễn Vi Thùy	Linh	Nữ	28/12/2010	Bình Dương	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	VĂN	12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,50	9,20	9,25	26,95
180	060258	Hồ Trần Trúc	Linh	Nữ	16/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			06	12			8,25	5,60	8,25	22,10
181	120255	Đỗ Phạm Thùy	Linh	Nữ	29/05/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,00	5,00	9,25	22,25
182	120256	Hồ Gia	Linh	Nữ	15/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	6,70	7,30	20,75
183	120258	Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	12/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	3,20	6,30	18,50
184	120261	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	22/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	7,00	6,75	21,75
185	120262	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	Nữ	16/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,75	4,00	7,00	18,75
186	120265	Nguyễn Võ Thùy	Linh	Nữ	28/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,25	8,00	8,00	24,25
187	120266	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	Nữ	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,25	7,20	7,75	22,20
188	120268	Phạm Lê Ngọc	Linh	Nữ	09/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,75	6,60	7,75	21,10
189	120269	Trần Thị Hà	Linh	Nữ	30/12/2009	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	4,20	8,00	19,70
190	120271	Quách Yến	Loan	Nữ	05/12/2010	Tây Ninh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,00	6,40	7,00	21,40
191	010879	Nguyễn Trọng	Lộc	Nam	11/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN		12	13			7,50	3,40	7,50	18,40
192	120274	Bùi Tấn	Lộc	Nam	15/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	6,70	6,50	19,95
193	120272	Hoàng Vũ Phi	Long	Nam	19/05/2010	Quảng Bình	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,75	5,80	7,00	20,55
194	120273	Phạm Vũ Bảo	Long	Nam	18/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	4,40	7,75	19,15
195	120279	Nguyễn Lê Khánh	Ly	Nữ	11/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			6,50	7,10	8,50	22,10
196	120280	Tổng Hoàng Trúc	Ly	Nữ	29/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	7,80	6,35	21,15

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
197	120281	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/10/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	4,20	7,25	19,45
198	120282	Trần Tuyết	Mai	Nữ	01/01/2010	Ninh Bình	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,50	3,30	8,00	19,80
199	120287	Lưu Gia	Mẫn	Nữ	02/04/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường ngoại tỉnh		2024			12	30			7,50	6,90	3,85	18,25
200	120283	Hoàng Duy	Mạnh	Nam	23/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,25	5,20	10,00	21,45
201	120286	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	09/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	6,30	7,80	22,10
202	120288	Lê Thảo	Mi	Nữ	02/12/2010	Bến Tre	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	3,20	7,25	18,70
203	010359	Nguyễn Bình	Minh	Nam	28/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		12	14			7,25	8,50	8,00	23,75
204	010889	Lê Anh	Minh	Nam	17/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	VĂN		12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	2,80	8,00	19,55
205	010891	Lê Thị Ngọc	Minh	Nữ	01/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	VĂN		12	30			8,00	6,00	8,00	22,00
206	120289	Huỳnh Thiện	Minh	Nam	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	04			6,25	6,50	7,00	19,75
207	120290	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	05/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,75	4,80	7,00	19,55
208	120292	Phạm Ngọc Quang	Minh	Nam	14/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	4,40	10,00	22,15
209	120293	Trần Chu Lợi	Minh	Nam	08/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,75	7,40	9,25	24,40
210	120294	Vũ Quang	Minh	Nam	24/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	6,10	9,25	23,85
211	010373	Lê Trần Uyên	My	Nữ	25/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		12	30			8,25	8,80	7,25	24,30
212	010381	Vũ Trà	My	Nữ	17/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN	ANH	12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	6,00	8,25	23,50
213	120296	Lê Thị Trà	My	Nữ	13/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	6,20	6,75	20,95
214	120298	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	07/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	5,00	6,75	19,50
215	120299	Phạm Thị Hà	My	Nữ	06/03/2009	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,50	8,70	7,00	22,20
216	120300	Phạm Thị Trà	My	Nữ	13/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,50	5,00	8,00	19,50
217	120302	Nguyễn Võ Ty	Na	Nữ	20/03/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	4,20	7,25	19,20
218	010390	Trần Bảo	Nam	Nam	31/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		12	13			7,75	8,10	8,25	24,10
219	120303	Trần Tiến	Nam	Nam	09/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	5,50	7,75	21,00
220	120304	Võ Lê Bảo	Nam	Nam	06/01/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	6,60	7,25	21,10
221	120305	Nguyễn Thị Bích	Nga	Nữ	26/02/2009	An Giang	Trường ngoại tỉnh		2024			12	30			7,00	4,60	6,50	18,10
222	120307	Bùi Kim	Ngân	Nữ	12/06/2010	Kiên Giang	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,25	5,30	6,75	19,30
223	120308	Đậu Thị Phương	Ngân	Nữ	22/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,50	7,70	5,85	21,05
224	120309	Nguyễn Lê Kim	Ngân	Nữ	24/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	6,70	6,50	20,45
225	120310	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	29/06/2010	Kiên Giang	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	4,00	6,75	18,25
226	010412	Trần Đại	Nghĩa	Nam	09/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025	ANH	TOÁN	06	12			5,50	8,80	7,00	21,30
227	120312	Dương Trần Gia	Nghĩa	Nam	10/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,75	7,70	7,30	22,75
228	120313	Lưu Hữu	Nghĩa	Nam	21/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,50	7,00	7,25	20,75
229	120316	Nguyễn Minh	Nghĩa	Nam	07/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,80	8,00	21,30
230	120318	Công Vũ Kim	Ngọc	Nữ	14/03/2010	Đồng Nai	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	6,70	7,25	23,20
231	120319	Dương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	22/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,75	5,40	7,50	20,65
232	120321	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	19/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	5,30	7,25	20,55
233	120322	Lê Thị Cẩm	Ngọc	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	6,70	5,95	20,65
234	120325	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	06/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,75	5,00	10,00	21,75
235	120326	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	14			6,50	6,10	6,25	18,85
236	120327	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,00	5,60	7,25	20,85

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
237	120328	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/02/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,75	6,00	7,75	20,50
238	120329	Nguyễn Xuân	Ngọc	Nam	04/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	7,00	8,00	23,00
239	120330	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	05/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,75	6,50	7,25	20,50
240	120331	Phan Thị Thanh	Ngọc	Nữ	01/01/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	4,80	6,50	19,30
241	120333	Trần Lê Bảo	Ngọc	Nữ	12/02/2010	Bình Định	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	3,60	7,50	18,85
242	120334	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	12/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,25	3,60	8,00	18,85
243	120335	Trịnh Thị Bảo	Ngọc	Nữ	23/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,75	5,00	7,75	19,50
244	120336	Nguyễn Đình Khánh	Nguyễn	Nữ	23/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	5,60	7,50	21,85
245	120337	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	08/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	7,80	10,00	26,05
246	120340	Huỳnh Thanh	Nhã	Nữ	28/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	5,50	6,20	6,25	18,95
247	120342	Cáp Lê Thành	Nhân	Nam	03/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,25	6,90	7,50	21,65
248	120343	Đặng Trọng	Nhân	Nam	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	5,30	6,50	19,30
249	120346	Nguyễn Phạm Đức	Nhân	Nam	27/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,50	6,70	8,25	21,45
250	120347	Sơn Lê Thiện	Nhân	Nam	21/09/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	6,50	8,50	23,75
251	010447	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	19/02/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN	ANH	12	30			7,50	6,10	9,25	22,85
252	120349	Bùi Thị Thảo	Nhi	Nữ	26/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,75	4,60	6,75	18,10
253	120350	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	12/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,25	5,50	8,00	21,75
254	120352	Đỗ Thế	Nhi	Nam	01/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	4,40	9,50	22,40
255	120353	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	27/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	3,60	9,25	20,85
256	120354	Hà Vy Tuyết	Nhi	Nữ	06/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,50	5,00	9,25	20,75
257	120355	Hoàng Lê Yến	Nhi	Nữ	12/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	6,30	8,00	22,80
258	120357	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	25/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	8,00	6,00	22,00
259	120358	Lê Yến	Nhi	Nữ	02/11/2010	Cà Mau	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	5,00	7,50	21,75
260	120359	Nguyễn Bảo	Nhi	Nữ	09/12/2010	Thái Bình	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	4,80	6,75	19,55
261	120360	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	19/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	3,60	7,00	18,10
262	120363	Trần Thảo	Nhi	Nữ	14/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,25	5,00	7,00	18,25
263	120364	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	10/02/2010	Thái Bình	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,25	3,40	7,75	18,40
264	120365	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	17/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,90	7,75	21,15
265	120366	Vương Quốc	Nho	Nữ	01/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	3,00	7,50	18,75
266	010464	Bùi Nguyễn Tâm	Như	Nữ	07/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		12	30			7,75	8,20	7,00	22,95
267	120370	Hoàng Tâm	Như	Nữ	23/02/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	6,50	7,50	22,25
268	120372	Lại Ngọc	Như	Nữ	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,50	7,80	7,50	22,80
269	120374	Lê Trần Bảo	Như	Nữ	18/12/2009	An Giang	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,75	5,90	7,75	21,40
270	120375	Lương Thị Kiều	Như	Nữ	07/05/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	7,50	9,00	24,00
271	120376	Mai Thị Huỳnh	Như	Nữ	05/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	4,20	6,75	18,45
272	120377	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	12/02/2010	Bến Tre	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	7,60	9,25	25,10
273	120378	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	18/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	4,60	8,50	21,10
274	120379	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	01/04/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	2,80	8,50	18,80
275	120380	Nguyễn Vũ Quỳnh	Như	Nữ	15/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,25	6,00	9,75	24,00
276	120382	Trần Quỳnh	Như	Nữ	19/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	8,60	8,25	25,10

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
277	120383	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	9,30	10,00	27,80
278	120385	Trương Thị Quỳnh	Như	Nữ	17/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	8,40	8,00	23,90
279	120386	Vòng Ngọc	Như	Nữ	26/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,75	7,30	7,50	24,55
280	120367	Lê Thị Thanh	Nhung	Nữ	27/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,25	4,20	7,25	18,70
281	120369	Trần Khánh	Nhung	Nữ	22/11/2010	Nghệ An	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	2,80	7,75	18,80
282	120388	Đỗ Thị Kim	Oanh	Nữ	07/08/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,00	6,20	6,00	18,20
283	120391	Nguyễn Minh	Phát	Nam	20/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,25	6,50	8,25	23,00
284	120393	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	27/07/2010	Bến Tre	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			6,50	9,00	7,75	23,25
285	120394	Hà Hữu	Phong	Nam	20/11/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	7,50	8,00	22,50
286	120395	Huỳnh Minh	Phong	Nam	12/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,50	6,70	7,75	21,95
287	120397	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	17/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			6,50	4,80	7,75	19,05
288	120398	Đặng Minh	Phú	Nam	12/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			6,50	7,70	8,00	22,20
289	120400	Vũ Ngọc	Phú	Nam	28/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	23			5,50	4,80	8,25	18,55
290	120402	Lê Như	Phúc	Nữ	02/11/2010	Ninh Thuận	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	5,60	6,50	20,10
291	120403	Võ Minh	Phúc	Nam	13/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	6,60	8,00	23,35
292	120405	Vũ Hữu	Phước	Nam	15/02/2010	Thái Bình	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	7,20	7,75	22,95
293	120406	Đặng Thị Thanh	Phương	Nữ	11/07/2010	Bắc Ninh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,50	3,40	8,00	19,90
294	120408	Lê Nguyễn Minh	Phương	Nam	31/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,50	4,70	7,75	18,95
295	120409	Trần Mai	Phương	Nữ	06/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	5,90	8,25	22,65
296	120410	Trịnh Lan	Phương	Nữ	01/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	3,60	7,00	18,10
297	120414	Đặng Ngô Minh	Quân	Nam	08/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	5,60	7,00	20,35
298	120415	Lê Anh	Quân	Nam	17/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	3,80	7,50	18,30
299	120416	Nguyễn Minh	Quân	Nam	15/10/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,00	8,30	7,25	22,55
300	010958	Hồ Hào	Quang	Nam	16/06/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	TOÁN		12	14			7,25	6,80	10,00	24,05
301	120417	Nguyễn Anh	Quốc	Nam	14/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	6,00	6,25	20,25
302	120419	Phạm Phú	Quý	Nam	05/07/2010	Hải Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	4,30	8,00	20,05
303	120420	Trần Lệ	Quyên	Nữ	29/10/2010	Hà Nam	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	7,00	7,10	22,10
304	010971	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	28/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		12	08			8,00	4,70	7,00	19,70
305	120421	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	7,90	10,00	25,40
306	120422	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	3,20	7,50	19,70
307	120423	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	05/04/2009	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	4,80	7,75	21,05
308	120424	Nguyễn Thị Tuyết	Quỳnh	Nữ	06/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,00	2,40	8,00	18,40
309	120425	Lê Thanh	Sang	Nam	22/07/2010	An Giang	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	4,00	9,25	20,75
310	120428	Nguyễn Phúc	Sang	Nam	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	30			5,50	6,40	7,75	19,65
311	120430	Hoàng Thị Hương	Sen	Nữ	18/06/2010	Quảng Trị	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	3,60	8,50	19,35
312	120432	Trịnh Minh	Son	Nam	25/11/2010	Phủ Thọ	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	6,20	8,75	22,95
313	120433	Phạm Hữu	Tài	Nam	27/10/2009	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	6,90	6,55	20,70
314	120434	Võ Xuân	Tài	Nam	10/04/2010	Quảng Nam	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	6,00	9,50	23,50
315	010981	Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	17/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	VĂN		12	30			7,75	6,60	8,25	22,60
316	120435	Đinh Thành	Tâm	Nữ	28/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			6,50	6,20	7,50	20,20

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
317	120436	Lê Nguyễn Minh	Tâm	Nam	23/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	7,10	9,50	24,85
318	120438	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	15/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			6,75	5,40	7,75	19,90
319	120439	Nguyễn Vĩ	Tâm	Nam	04/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	5,50	6,00	7,25	19,75
320	120440	Bùi Duy	Tân	Nam	29/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,50	6,50	8,75	24,75
321	120441	Lê Nhật	Tân	Nam	28/04/2010	Quảng Nam	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	6,00	8,00	22,00
322	120442	Nguyễn Huỳnh Minh	Tân	Nam	07/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,80	7,50	20,80
323	120443	Tô Minh	Tân	Nam	03/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,25	4,80	7,25	18,30
324	120459	Nguyễn Hoàng	Thắng	Nam	22/04/2010	Hậu Giang	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			9,00	4,60	8,25	21,85
325	120445	Lương Lý Thiên	Thanh	Nữ	28/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	4,80	7,25	19,55
326	120446	Trịnh Xuân	Thanh	Nam	19/02/2010	Quảng Trị	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	03			7,50	7,00	9,50	24,00
327	120447	Nguyễn Công	Thành	Nam	30/05/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,75	6,40	9,00	23,15
328	120448	Nguyễn Minh Trung	Thành	Nam	25/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	03			7,00	7,30	7,50	21,80
329	120449	Nguyễn Văn	Thành	Nam	12/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	4,80	10,00	23,30
330	120450	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	30/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	6,30	8,75	23,30
331	120454	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	25/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,25	6,40	8,00	22,65
332	120456	Phạm Võ Phương	Thảo	Nữ	23/06/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	3,00	8,50	18,75
333	120457	Son Cao Hồng	Thảo	Nữ	04/11/2008	Trà Vinh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	4,60	7,75	21,35
334	120458	Trần Phương	Thảo	Nữ	07/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,75	6,80	7,00	22,55
335	010995	Tôn Quang	Thịnh	Nam	16/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	VĂN	LÍ	12	30			7,75	6,10	9,00	22,85
336	120464	Đặng Phương	Thoại	Nam	13/09/2010	Cà Mau	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	4,80	7,00	19,30
337	120470	Đỗ Thị Anh	Thư	Nữ	22/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	7,60	7,75	23,60
338	120471	Lê Đỗ Minh	Thư	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	4,70	7,50	19,70
339	120472	Lê Nguyễn Anh	Thư	Nữ	30/06/2010	Nam Định	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,75	3,80	7,25	19,80
340	120473	Lê Nguyễn Anh	Thư	Nữ	11/06/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,00	4,60	6,00	18,60
341	120475	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/11/2010	Bình Thuận	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	5,60	7,00	20,85
342	120477	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	28/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	6,10	9,50	23,10
343	120478	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	09/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,25	6,90	8,00	23,15
344	120479	Phạm Quỳnh	Thư	Nữ	10/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	30			8,25	5,00	8,00	21,25
345	120482	Phan Thị Bích	Thư	Nữ	25/05/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	3,80	9,50	21,55
346	120483	Trần Mai Anh	Thư	Nữ	30/03/2009	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	7,20	6,50	21,20
347	120484	Trương Lê Anh	Thư	Nữ	11/04/2010	An Giang	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	6,90	7,75	22,65
348	120486	Vũ Anh	Thư	Nữ	06/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,00	5,40	6,50	18,90
349	120487	Vũ Trần Anh	Thư	Nữ	17/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,50	5,80	7,50	20,80
350	120488	Lê Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	7,30	8,00	23,30
351	120467	Phan Phạm Phương	Thùy	Nữ	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	3,60	8,25	20,10
352	120469	Hồng Quang	Thùy	Nữ	21/05/2010	Đồng Nai	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,50	4,60	7,75	21,85
353	120489	Đào Thị Bảo	Thy	Nữ	16/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	5,80	8,25	21,05
354	120490	Nguyễn Bảo	Thy	Nữ	27/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	7,60	7,00	22,10
355	120491	Nguyễn Thị Ngọc	Thy	Nữ	10/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	3,80	7,50	19,30
356	120492	Lâm Thị Cẩm	Tiên	Nữ	18/03/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,75	8,40	10,00	27,15

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
357	120493	Lư Nguyễn Ngọc	Tiên	Nữ	24/01/2010	TP. Cần Thơ	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	05	1	- Giải Nhì cấp tỉnh	7,50	3,80	7,75	20,05
358	120495	Trần Ngọc Thủy	Tiên	Nữ	30/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	6,60	7,50	21,85
359	120496	Bùi Quang	Tiến	Nam	10/03/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	04			6,00	7,10	5,10	18,20
360	120498	Bùi Hữu	Tín	Nam	18/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13	0,5	- Giải Ba cấp tỉnh	7,50	7,90	10,00	25,90
361	120508	Hoàng Thùy	Trâm	Nữ	27/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,25	5,10	6,75	19,10
362	120509	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	Nữ	18/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,25	5,40	6,50	19,15
363	120510	Nguyễn Thị Quế	Trâm	Nữ	01/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			6,75	7,50	6,75	21,00
364	120512	Phan Thị Thùy	Trâm	Nữ	08/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	3,40	7,00	18,40
365	120513	Trần Thị Bảo	Trâm	Nữ	10/01/2010	Nam Định	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			8,00	4,80	9,00	21,80
366	120514	Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	04/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,50	7,00	8,00	23,50
367	120515	Lê Bảo	Trân	Nữ	11/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,40	6,75	19,65
368	120516	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	18/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	7,00	6,25	21,25
369	120517	Phạm Ngọc Bảo	Trân	Nữ	04/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	7,20	7,75	22,95
370	120518	Trịnh Huyền	Trân	Nữ	09/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,75	8,00	8,25	24,00
371	120500	Hà Trần Thùy	Trang	Nữ	11/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	4,00	7,00	19,00
372	120501	Nguyễn Lê Thu	Trang	Nữ	04/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	3,00	7,50	18,50
373	120503	Phạm Lê Uyên	Trang	Nữ	18/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	4,20	7,50	19,95
374	120504	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	23/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	6,10	7,25	21,10
375	120505	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	10/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,50	4,80	8,00	21,30
376	120506	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	05/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	6,80	9,25	23,80
377	120519	Trương Minh	Trí	Nam	04/09/2009	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	3,40	7,25	18,15
378	120522	Lê Ngọc Kiều	Trinh	Nữ	28/06/2010	Phú Thọ	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	Thành phố Thuận An	2025			12	14			7,50	7,50	8,25	23,25
379	120524	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	Nữ	13/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,75	4,00	7,25	19,00
380	120525	Trần Thị Ái	Trinh	Nữ	04/05/2010	Cà Mau	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,75	8,40	5,75	21,90
381	120526	Trần Thị Khánh	Trinh	Nữ	28/07/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,50	3,60	7,00	18,10
382	120527	Võ Nguyễn Phương	Trinh	Nữ	01/01/2010	Quảng Trị	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,00	3,60	8,50	20,10
383	120528	Nguyễn Hoàng	Trọng	Nam	06/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	5,40	9,50	22,40
384	120529	Trần Cao	Trọng	Nam	31/03/2010	Thái Bình	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			7,00	5,10	9,00	21,10
385	120532	Ngô Quốc	Trung	Nam	28/11/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,00	5,00	9,25	22,25
386	120533	Trần Minh	Trung	Nam	16/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	4,40	9,25	20,65
387	120537	Nguyễn Mậu	Tú	Nam	22/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	4,30	7,50	19,55
388	120538	Nguyễn Thiên	Tú	Nữ	01/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	7,20	6,25	20,45
389	120540	Phan Thanh	Tú	Nam	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,50	5,90	9,00	23,40
390	120541	Bùi Anh	Tuấn	Nam	16/10/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,75	4,00	8,25	20,00
391	120542	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	13	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,75	7,50	8,00	23,25
392	120544	Phạm Lê Anh	Tuấn	Nam	25/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,75	6,40	7,75	21,90
393	120545	Vũ Hoàng Anh	Tuấn	Nam	10/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,25	7,80	8,25	23,30
394	060539	Vương Văn	Tùng	Nam	10/02/2010	Hải Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			06	12			8,00	3,60	7,80	19,40
395	120546	Phan Võ Ánh	Tuyết	Nữ	03/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,25	4,00	7,00	18,25
396	120547	Phan Ngọc	Tỷ	Nam	06/07/2010	Cà Mau	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	5,70	9,50	22,20

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
397	120548	Đỗ Thị Tổ	Uyên	Nữ	05/10/2010	Vĩnh Long	Trường THCS Đông Chiêu	Thành phố Dĩ An	2025			12	14			8,00	8,20	6,50	22,70
398	120549	Trần Phương	Uyên	Nữ	10/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	6,00	7,30	21,05
399	120550	Nguyễn Phan Thanh	Vân	Nữ	07/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	4,20	8,00	20,45
400	120553	Nguyễn Thúy	Vân	Nữ	04/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025			12	30			7,75	7,90	8,00	23,65
401	120554	Quách Nguyễn Tường	Vân	Nữ	22/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,25	7,20	8,75	24,20
402	120555	Trương Thanh	Vân	Nữ	17/11/2010	TP. Đà Nẵng	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,25	4,80	8,75	21,80
403	120556	Huỳnh Tường	Vi	Nữ	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			8,00	4,60	5,75	18,35
404	120557	Nguyễn Đỗ Hạ	Vi	Nữ	18/05/2010	Bình Thuận	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	7,10	8,00	23,35
405	120558	Nguyễn Đỗ Hoài	Vi	Nữ	18/05/2010	Bình Thuận	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	7,00	7,50	22,75
406	120559	Phạm Lê Tường	Vi	Nữ	05/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	13			8,50	6,80	7,75	23,05
407	120560	Hồ Văn Đức	Việt	Nam	25/04/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	04			7,50	6,30	9,75	23,55
408	120561	Hoàng	Vũ	Nam	16/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025			12	08			7,50	4,20	8,75	20,45
409	120562	Hoàng Nguyễn Dương	Vũ	Nam	22/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			5,00	6,80	8,75	20,55
410	120563	Khang Khâm	Vũ	Nam	18/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,50	6,40	7,25	21,15
411	010679	Tô Ngọc Thảo	Vy	Nữ	09/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	HÓA		12	13			8,25	6,90	9,25	24,40
412	120566	Lê Đỗ Yến	Vy	Nữ	03/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	4,80	8,00	22,05
413	120567	Lê Trang Yến	Vy	Nữ	06/04/2010	Đồng Nai	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			8,25	7,40	7,75	23,40
414	120568	Ngô Trần Khánh	Vy	Nữ	15/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	3,60	7,50	19,60
415	120569	Nguyễn Đông	Vy	Nữ	23/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,50	3,40	6,50	18,40
416	120570	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	18/12/2010	Nghệ An	Trường THCS Khánh Bình	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	6,90	7,25	23,15
417	120571	Nguyễn Hồng Yến	Vy	Nữ	30/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	4,20	7,00	18,20
418	120572	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	29/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,00	3,20	7,00	18,20
419	120573	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	24/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,75	6,20	8,00	21,95
420	120575	Vô Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	16/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			7,00	4,40	8,50	19,90
421	120576	Lê Thảo	Xuyên	Nữ	18/01/2010	Cà Mau	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14			8,75	6,30	9,25	24,30
422	120579	Phan Vương Tâm	Ý	Nữ	13/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	13			7,00	4,90	6,50	18,40
423	120580	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	21/03/2010	Hậu Giang	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	14	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,00	3,80	7,00	18,80
424	120581	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	06/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025			12	30			7,75	5,80	8,00	21,55
425	120583	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	26/11/2009	Bình Dương	Trường ngoại tỉnh		0			12	13			8,00	4,00	8,25	20,25

Danh sách có 425 học sinh./.

Người lập



Võ Hoàng Yến

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhật Hằng